

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **350/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/7/2020

V/v: Tranh chấp về ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương và bà Nguyễn Thị Minh Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Hoàng Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2020/TLST- HNGĐ ngày 1/6/2020 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXX - ST ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1970; HKTT: Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội. Hiện trú tại: Hamorny Vinhome, Long Biên, Hà Nội. (Xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hải Tr, sinh năm 1965; HKTT: Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/05/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh T trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hải Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/2/1990 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại địa chỉ phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội là nhà riêng của vợ chồng tôi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách lối sống không còn hợp nhau. Hai bên thường xuyên cãi vã, xô sát, mâu thuẫn trầm trọng nhất là năm 2011 và kể từ đầu năm 2012 thì chúng tôi sống ly

thân. Tháng 12/2012 ông Tr bị bắt và đã bị Tòa án tuyên phạt 12 năm tù giam về tội “Buôn lậu”, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Tr. Do điều kiện công việc bận rộn, không có điều kiện tham gia tố tụng trong vụ án, tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Hải Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 và cháu Nguyễn Trí H, sinh năm 1993. Hai cháu đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Tôi xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Hải Tr trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và bà Ngô Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/2/1990 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2011 và từ năm 2012 thì vợ chồng sống ly thân. Cuối năm 2012 tôi bị bắt vì phạm tội buôn lậu và bị Tòa án tuyên phạt 12 năm tù giam. Hiện nay tôi đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà T. Do điều kiện đang chấp hành án tại trại giam, tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt tôi.

* Về con chung: Tôi và bà Thủy có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 và cháu Nguyễn Trí H, sinh năm 1993. Hai cháu đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Về hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự tại tòa án, bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

thống nhất ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Hải Tr. Về con chung: Bà T và ông Tr có 02 con chung là anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà T và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét; Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Hải Tr là bị đơn trong vụ án, có địa chỉ cư trú cuối cùng theo HKTT tại phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội và hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/2/1990 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà T và ông Tr đều xác nhận là do tính cách và lối sống hai bên không hòa hợp dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2012. Nay bà T và ông Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Tr đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông Tr có 02 con chung là anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà T và ông Tr đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Thanh T.

Bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Hải Tr.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr có 02 con chung là anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1993, cả hai anh đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số 0016278 ngày 1/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Ngô Thị Thanh T và ông Nguyễn Hải Tr quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ngọc

